

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2020/DS-ST**

Ngày: 27 - 8 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Minh Lý

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 159/2020/TLST-DS ngày 07/5/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST- DS ngày 29/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U , sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: Ấp Trảng Lớn, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; Địa chỉ liên lạc: Số 81, đường số 3, KDC Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần H , sinh năm 1984; Địa chỉ thường trú: Ấp Trảng Lớn, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; Địa chỉ liên lạc: Số 81, đường số 3, KDC Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, thành phố T, tỉnh B (theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T , sinh năm 1978; địa chỉ: Số 94/11 đường Bùi Quốc Khánh, Tổ 74, Khu phố 7, phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình P , sinh năm 1970; địa chỉ: Số 94/11 đường Bùi Quốc Khánh, Tổ 74, Khu phố 7, phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị U và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Trần H trình bày:* Bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn

Thị Thu T có mối quan hệ quen biết. Ngày 20/4/2018, Bà U cho bà T vay số tiền là 150.000.000đ, mục đích vay để làm ăn, thời hạn vay và lãi suất hai bên không thỏa thuận. Việc vay mượn hai bên có lập hợp đồng cho vay mượn và thỏa thuận hai bên đề ngày 20/4/2018, toàn bộ nội dung của hợp đồng bày là do bà U viết, sau khi hai bên đọc và thống nhất bà U và bà T đã ký tên vào hợp đồng.

Khi vay, bà T có thể chấp cho bà U 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 050687TA/HKD ngày 04/5/2005 với tên chủ hộ kinh doanh là ông Nguyễn Đình P (ông P là chồng của bà T). Hiện bà U vẫn giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên. Số tiền 150.000.000đ, bà U chỉ cho bà T vay, ông P hoàn toàn không biết việc vay mượn giữa bà U và bà T, đến khi bà U có nhu cầu lấy lại số tiền trên thì ông P mới biết.

Do trong hợp đồng không thỏa thuận về thời hạn trả nhưng do cần tiền bà U đã thông báo cho bà T biết trước và đến nhà nhiều lần yêu cầu trả nhưng bà T hứa mà không thực hiện nên buộc bà U phải khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán tổng số tiền 154.980.000đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 10/4/2020 đến ngày 10/8/2020 là 4.980.000đồng.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình P :* Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Đình P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T và ông P không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi tính 4.980.000đồng, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Do đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu về số tiền lãi suất là 4.980.000đồng nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này, đối với số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện nguyên đơn ông Trần H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Ngày 20/4/2018, bà U có cho bà T vay số tiền 150.000.000đ, mục đích vay để làm ăn, thời hạn vay và lãi suất hai bên không thỏa thuận, khi vay bà T có thể chấp cho bà U 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 050687TA/HKD ngày 04/5/2005 với tên chủ hộ kinh doanh là ông Nguyễn Đình P (ông P là chồng của bà T). Hiện bà U vẫn giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên. Do số tiền 150.000.000đ, bà U chỉ cho bà T vay, ông P hoàn toàn không biết nên bà T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán cho bà U số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng.

Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, thể hiện bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập. Tại kết luận giám định số 230/GĐ-PC09 ngày 24/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương trả lời kết quả trưng cầu giám định số 06/2020/QĐ-TCGD Ngày 25/5/2020 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xác định chữ ký và dấu vân tay mang tên Nguyễn Thị Thu T dưới mục bên B theo hợp đồng vay mượn và thỏa thuận hai bên ngày 20/4/2018 so với mẫu giám định là hợp đồng ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu T ngày 23/7/2018 được Văn phòng Công chứng Tân Uyên chứng thực do một người ký và in ra.

Do đó, việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị U yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán số tiền nợ gốc 150.000.000đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về số tiền lãi: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi tạm tính từ ngày 10/4/2020 đến ngày 10/8/2020 là 4.980.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi tính từ ngày 10/4/2020 đến ngày 10/8/2020 là 4.980.000đồng. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp pháp luật nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3] Đối với 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 050687TA/HKD ngày 04/5/2005 với tên chủ hộ kinh doanh là ông Nguyễn Đình P thì bà U phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Đình P.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp 2.550.000đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; 35, 147, 227, 228, 266, 269, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 429, 463, 466 và 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút phần yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn với yêu cầu tiền lãi trên số tiền 4.980.000đồng tính từ ngày 10/4/2020 đến ngày 10/8/2020. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U đối với bà Nguyễn Thị Thu T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị U số tiền nợ gốc là 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay mượn và thỏa thuận hai bên ngày 20/4/2018.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Buộc bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm trả lại 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 050687TA/HKD ngày 04/5/2005 với tên chủ hộ kinh doanh là ông Nguyễn Đình P cho ông Nguyễn Đình P .

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp là 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị U không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền 3.874.500đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0041774 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh B.

4. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp 2.550.000đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị U do bà U đã nộp tạm ứng trước đây.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục thi hành án dân sự TP TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong